

Số: 3124 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa; số 113/2018/NQ-HĐND, ngày 11/7/2018 về quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn

2018 - 2020; số 219/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4847/STC-QLNSHX ngày 06/9/2022 về việc phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021; kèm theo Tờ trình số 08/TTr-BQL ngày 16/8/2022 của Ban quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí: 694.300.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

2. Mục tiêu: Thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn.

4. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021; Nguồn đối ứng của người dân. Trong đó:

- Từ nguồn Trung ương cấp bổ sung năm 2021 theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 17/12/2021 của Thủ tướng chính phủ: 400.000.000 đồng.

- Nguồn đối ứng của người dân: 294.300.000 đồng.

5. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022.

6. Địa điểm: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh.

1. Toàn bộ phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chia làm 03 gói thầu.

2. Nội dung các gói thầu: *(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)*.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này, có trách nhiệm triển khai thực hiện trình tự các bước công việc theo đúng quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu và pháp luật có liên quan đến kế hoạch lựa chọn nhà thầu; quản lý, sử dụng kinh phí đúng nội dung, mục đích, đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến gói thầu được phê duyệt.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Quyết định này, có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc có liên quan đến ngành; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (TĐN46597).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục 01

**Dự toán kinh phí thực hiện mô hình Chăn nuôi bò cái sinh sản tại xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh
Hóa thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Trong đó	
						Nguồn Trung ương	Nguồn đối ứng của người dân
	Tổng số				694.300.000	400.000.000	294.300.000
I	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu				1.506.000	1.506.000	-
1	Phô tô phiếu điều tra, khảo sát (01 phiếu 3 tờ x 3,000đ/phiếu/người 38 người)	Phiếu (3 tờ)	38	3.000	114.000	114.000	
2	Chi phí đi lại cho điều tra viên (Khoán 0,2lít/km x 24,000đ/lít x cự ly bình quân 60km/lượt x 4 lượt)	Trọn gói	1	1.152.000	1.152.000	1.152.000	
3	Hỗ trợ điều tra viên (01 người x 1 ngày)	Người	1	200.000	200.000	200.000	
4	Hỗ trợ người cung cấp thông tin (01 người)	Người	1	40.000	40.000	40.000	
II	Lập dự án				1.524.000	1.524.000	-
1	Chi xây dựng thuyết minh dự án: 3 công x 1,490,000 x 0,20)	Ngày công	3	298.000	894.000	894.000	
2	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ đi thẩm định (01 người x 01 ngày)	Ngày	1	200.000	200.000	200.000	

STT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Trong đó	
						Nguồn Trung ương	Nguồn đối ứng của người dân
3	Phòng nghỉ cho cán bộ đi thẩm định (01 người/ 01 ngày/01 phòng)	Phòng	1	350.000	350.000	350.000	
4	Phô tô, in ấn đóng cuốn	Cuốn	4	20.000	80.000	80.000	
III	Mua giống Bò cái sinh sản (Bò vàng Thanh Hóa)				494.000.000	344.100.000	149.900.000
1	Hỗ trợ 21 hộ nghèo, trọng lượng trung bình 120 kg/con	Con	21	13.000.000	273.000.000	208.950.000	64.050.000
2	Hỗ trợ 17 hộ cận nghèo, trọng lượng trung bình 120 kg/con	Con	17	13.000.000	221.000.000	135.150.000	85.850.000
IV	Vật tư, nhân công, công chăm sóc				144.400.000	-	144.400.000
1	Vật tư làm chuồng trại (38 chuồng x 2.000.000đ/chuồng)				76.000.000	-	76.000.000
-	Tôn lợp mái (9m2 x 150.000 đồng/m2 = 1.350.000đ/chuồng)	Chuồng	38	1.350.000	51.300.000		51.300.000
-	Láng nền xi măng, cát, đá (9m2 x 50.000 đồng/m2 = 450.000đ/chuồng)	Chuồng	38	450.000	17.100.000		17.100.000
-	Vật liệu làm chuồng (tre, luồng) (200.000 đồng/chuồng)	Chuồng	38	200.000	7.600.000		7.600.000
2	Nhân công (2 công/chuồng x 300.000 đồng/công)	Công	76	300.000	22.800.000		22.800.000

STT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Trong đó	
						Nguồn Trung ương	Nguồn đối ứng của người dân
3	Ngày công chăm sóc (38 con x 1.200.000 đ/con/4 tháng)	Con	38	1.200.000	45.600.000		45.600.000
V	Kinh phí triển khai				20.620.000	20.620.000	-
1	Tập huấn 01 lớp (01 ngày/lớp; đối tượng: 38 hộ tham gia dự án; Ban quản lý bản 02 người; 01 cán bộ thú y cơ sở)				7.330.000	7.330.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho 41 người không hưởng lương (38 hộ tham gia dự án; Ban quản lý bản 02 người; 01 cán bộ thú y cơ sở)	Người	41	70.000	2.870.000	2.870.000	
-	Nước uống	Người	41	40.000	1.640.000	1.640.000	
-	In ấn tài liệu	Bộ	41	20.000	820.000	820.000	
-	Thù lao cho giảng viên	Người	1	800.000	800.000	800.000	
-	Thuê hội trường, loa đài và ma kết	Ngày	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000	
2	Hội thảo tổng kết mô hình (01 ngày/hội thảo; đối tượng: Hộ hưởng lợi, Ban quản lý bản, cán bộ xã, cán bộ huyện)				7.330.000	7.330.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho 41 người không hưởng lương (38 hộ tham gia dự án; Ban quản lý bản 02 người; 01 cán bộ thú y cơ sở)	Người	41	70.000	2.870.000	2.870.000	
-	Nước uống	Người	41	40.000	1.640.000	1.640.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	41	20.000	820.000	820.000	

STT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Trong đó	
						Nguồn Trung ương	Nguồn đối ứng của người dân
-	Thù lao Báo cáo viên	Người	1	800.000	800.000	800.000	
-	Thuê hội trường, loa đài và ma kết	Ngày	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000	
3	Thuê 01 cán bộ thú y chỉ đạo, theo dõi	Tháng	4	1.490.000	5.960.000	5.960.000	
VI	Chi phí kiểm tra, giám sát				9.120.000	9.120.000	
1	Khảo sát cơ sở cung cấp giống (01 ngày)				776.000	776.000	
-	Phụ cấp lưu trú	Ngày	1	200.000	200.000	200.000	
-	Chi phí đi lại (cự ly: 120 km). (Khoán xăng xe tự túc: 01 xe máy x 0,2 lít/km x 120 km x 24.000 đồng/lít	Lượt	1	576.000	576.000	576.000	
2	Chọn và bàn giao giống (02 ngày)				976.000	976.000	
-	Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000	400.000	
-	Chi phí đi lại (cự ly: 120 km) (Khoán xăng xe tự túc: 01 xe máy x 0,2 lít/km x 120 km x 24.000 đồng/lít	Lượt	1	576.000	576.000	576.000	
3	Kiểm tra mô hình (cán bộ kỹ thuật: 4 tháng, 1/2 tháng/lần; lãnh đạo: 01 tháng/lần)				7.368.000	7.368.000	-
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ kỹ thuật	Ngày	8	200.000	1.600.000	1.600.000	
-	Chi phí đi lại cho cán bộ kỹ thuật. (Khoán xăng xe tự túc: 01 xe máy x 0,2 lít/km x 60 km x 24.000 đồng/lít	Lượt	8	288.000	2.304.000	2.304.000	

STT	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Trong đó	
						Nguồn Trung ương	Nguồn đối ứng của người dân
-	Thuê xe cho lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật (cụ ly bình quân 60 km)	Lần	4	800.000	3.200.000	3.200.000	
-	Văn phòng phẩm phục vụ kiểm tra, giám sát	Trọn gói	1	264.000	264.000	264.000	
VII	Chi phí thẩm định giá; Tư vấn đấu thầu; đăng tin đấu thầu				9.130.000	9.130.000	
1	Chi phí thẩm định giá				4.400.000	4.400.000	
2	Lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất				2.200.000	2.200.000	
3	Thẩm định hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu				2.200.000	2.200.000	
4	Đăng tải thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia				330.000	330.000	
VIII	Chi phí quản lý Dự án (3,5% mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước)				14.000.000	14.000.000	
1	Phụ cấp kiêm nhiệm (01 Trưởng Ban x 1.000.000 đ/tháng x 4 tháng	Tháng	4	1.000.000	4.000.000	4.000.000	
2	Phụ cấp kiêm nhiệm (01 Phó Trưởng ban x 700.000 đ/tháng x 4 tháng	Tháng	4	700.000	2.800.000	2.800.000	
3	Phụ cấp kiêm nhiệm (03 thành viên x 600,000 x 4 tháng	Tháng	4	600.000	7.200.000	7.200.000	

Phụ lục 02
Chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT	2.200.000	Từ nguồn Trung ương cấp bổ sung năm 2021 theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 17/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nguồn đối ứng của người dân.	Chỉ định thầu	Sau khi có Quyết định phê duyet dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trọn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm định HSMT, kết quả LCNT	2.200.000		Chỉ định thầu	Sau khi có Quyết định phê duyet dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trọn gói	30 ngày
3	Gói thầu số 03: Mua giống Bò cái sinh sản	494.000.000		Chào hàng cạnh tranh	Sau khi có Quyết định phê duyet dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu được phê duyệt	Trọn gói	60 ngày
	Tổng cộng	498.400.000					